

Bản án số: 49/2026/HS-ST
Ngày 21 tháng 4 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2026/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn T, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1981 tại: phường V, tỉnh Phú Thọ; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Thẻ CCCD số: 025081015757 cấp ngày 05 tháng 9 năm 2023; Nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2. Nơi thường trú: Khu A (K), phường V, tỉnh Phú Thọ; Con ông: Lê Văn V (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1958, nơi thường trú: Khu A (K), phường V, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Lê Thị L, sinh năm 1985, hiện ở thành phố Hà Nội; Con: Có 03 con (Con lớn sinh 2000, con nhỏ sinh 2005); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2025, chuyển tạm giam từ ngày 17/12/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 1 - Công an tỉnh P. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 45 phút ngày 15/12/2025, tổ công tác Công an xã D, tỉnh Phú Thọ, đang tiến hành tuần tra đảm bảo an ninh trật tự tại khu E (xã H cũ), xã D, tỉnh Phú Thọ, thì phát hiện bắt quả tang Lê Văn T, sinh năm 1981, trú tại: khu A (xã K cũ), phường V, tỉnh Phú Thọ, đang tàng trữ 02 túi nilon màu trắng một đầu

được hàn kín bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu trắng một đầu được hàn kín, bên trong có chứa 02 viên dạng nén hình tròn màu hồng. T khai nhận chất rắn dạng tinh thể màu trắng là ma túy tổng hợp dạng đá (Methamphetamine) và 02 viên nén hình tròn màu hồng là ma túy Methamphetamine dạng viên (hồng phiến), số ma túy trên T tàng trữ với mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác Công an xã D đã mời người chứng kiến, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Văn T đồng thời tạm giữ, niêm phong 03 túi nilon nêu trên. Ngoài ra còn tạm giữ của T các đồ vật, tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, số IMEL1: 867977050698936, số IMEL2: 867977050698928, bên trong không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, số IMEL1: 869532054819836, số IMEL2: 869532054819828, bên trong gắn sim số 0981962167; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD gắn biển kiểm soát 19P1 – 38458.

Cùng ngày 15/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P, đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lê Văn T, quá trình khám xét không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã Quyết định trưng cầu Phòng K Công an tỉnh P, giám định đối với số chất rắn dạng tinh thể màu trắng và với 02 viên nén hình tròn màu hồng mà T đã giao nộp. Tại Kết luận giám định số 3836 ngày 17/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh P, kết luận:

“- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa bên trong 02 túi nilon, gửi đến giám định có khối lượng là 0,4710 gam; là ma túy; loại Methamphetamine.

- 02 viên nén màu hồng chứa bên trong 01 túi nilon, gửi đến giám định có tổng khối lượng là 0,2028 gam; là ma túy; loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC: Số thứ tự 247, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ”.

Kết quả xét nghiệm ma túy đối với Lê Văn T xác định Lê Văn T dương tính với nhóm ma túy MET, MDMA.

Quá trình điều tra Lê Văn T khai nhận: Bản thân T bắt đầu sử dụng trái phép chất ma túy Methamphetamine vào khoảng đầu tháng 11/2025, thỉnh thoảng mới sử dụng ma túy một lần. Có người nói với T (không nhớ ai nói) là cứ đến đường Đ thuộc địa phận xã Đ cũ gần cầu V có một người đàn ông khoảng 40 tuổi đứng ở ven đường có bán ma túy Methamphetamine, nên khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/12/2025 Trường một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD biển kiểm soát 19P1 – 38458 đi đến đoạn đường đê sông lô thuộc địa phận xã S, tỉnh Phú Thọ (cách cầu V khoảng vài trăm mét) để tìm mua ma túy. Khi đến nơi T gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi đang đứng ở ven đường có dáng vẻ người nghiện ma túy nên T đi đến hỏi mua ma túy Methamphetamine của người này, người này đồng ý bán ma túy cho T. T đưa cho người đàn ông này số tiền 1.000.000 đồng, người này cầm tiền và đưa lại cho T: 02 túi nilon màu trắng một đầu được hàn kín bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng nói là ma

tuý tổng hợp dạng đá (Methamphetamine) và 01 túi nilon màu trắng một đầu được hàn kín, bên trong có chứa 02 viên dạng nén hình tròn màu hồng nói là hồng phỉen (Methamphetamine dạng viên nén). T cầm 03 túi nilon kiểm tra đúng là ma tuý thì đúc vào túi áo khoác bên trái, còn người bán ma tuý cho T thì điều khiển xe mô tô đi đâu thì T không xác định được. Sau khi mua được ma tuý Trường một mình điều khiển xe mô tô di chuyển qua nhiều địa điểm khác nhau, đến khoảng 01 giờ 45 phút ngày 15/12/2025, T đi đến đoạn đường thuộc khu E (xã H cũ), xã D, tỉnh Phú Thọ, thì bị lực lượng Công an kiểm tra nên đã tự giác lấy 03 túi nilon ma tuý đang đúc ở túi áo khoác bên trái giao nộp.

Ngoài ra T khai nhận ngày 11/12/2025 T đã một mình sử dụng ma tuý Methamphetamine tại địa bàn phường V, tỉnh Phú Thọ. Nguồn gốc số ma tuý đã sử dụng T khai nhận mua của một người đàn ông không quen biết khoảng 30 tuổi, dáng cao gầy, da ngăm đen, tại khu vực đê S, phường V, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ lời khai của T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P, đã tiến hành xác minh, rà soát các đối tượng đã bán ma tuý cho Lê Văn T, tuy nhiên không xác định được tên tuổi, địa chỉ.

Qua xác minh xác định: Lê Văn T là người đang trong diện quản lý người sử dụng chất ma tuý của Công an phường V; không thuộc trường hợp người đang trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma tuý; không phải là người đang trong thời hạn cai nghiện ma tuý hoặc điều trị cai nghiện các chất ma tuý bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật phòng, chống ma tuý; không phải là người đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện; không phải là người đang trong thời hạn 2 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma tuý tự nguyện hoặc điều trị các chất ma tuý bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật phòng, chống ma tuý.

Động cơ, mục đích, nguyên nhân: Do bị cáo là người sử dụng chất ma tuý nên đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý với mục đích để sử dụng cho bản thân. Mặt khác do ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma tuý, xâm phạm trật tự công cộng, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Về thu nhập, tài sản của bị cáo: bị cáo làm công việc lao động tự do vì vậy không có thu nhập ổn định. Qua xác minh tại UBND phường V, tỉnh Phú Thọ, xác định: theo sổ bộ thuế mới kê khai năm 2025 Lê Văn T có đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng số CL907720 cấp ngày 15/12/2017 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM637014 cấp ngày 31/01/2013.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân và có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo đã công đức số tiền 10.000.000 đồng để xây dựng, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa cấp

tỉnh Đình Kim Đái, xã K, tỉnh Phú Thọ, vì vậy được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật.

Về các vật chứng, tài sản tạm giữ:

- Đối với: 01 túi niêm phong, bên ngoài có 05 dấu hình tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh P và các chữ ký của các thành phần liên quan. Bên trong có 0,3448 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,1758 gam viên nén màu hồng. Đây là túi niêm phong chứa mẫu vật còn lại sau giám định.

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, số IMEL1: 867977050698936, số IMEL2: 867977050698928, bên trong không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, số IMEL1: 869532054819836, số IMEL2: 869532054819828, bên trong gắn sim số 0981962167. Đây là các điện thoại của Lê Văn T sử dụng để liên lạc hàng ngày, không liên quan đến việc mua bán trái phép và vi phạm pháp luật.

Các vật chứng, tài sản nêu trên hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại Kho vật chứng thuộc Phân trại tạm giam Đoàn H – trại tạm giam số 01, Công an tỉnh P.

- Đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD gắn biển kiểm soát 19P1 – 38458. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là chị Lê Thị T1, sinh năm 1989, trú tại: khu A (xã K cũ), phường V, tỉnh Phú Thọ (là em gái của T). Chị T1 cho T mượn chiếc xe nêu trên làm phương tiện đi lại, khi Lê Văn T sử dụng chiếc xe nêu trên để đi mua ma túy chị T1 không biết, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P, đã trả lại cho chị T1 là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSPTO-KV ngày 01/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Phú Thọ đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Phú Thọ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo T từ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Văn T.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi niêm phong, bên ngoài có 05 dấu hình tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh P và các chữ ký của các thành phần liên quan. Bên trong có 0,3448 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,1758 gam viên nén

màu hồng. Đây là túi niêm phong chứa mẫu vật còn lại sau giám định và 01 phôi sim số 0981962167

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, số IMEL1: 867977050698936, số IMEL2: 867977050698928, bên trong không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, số IMEL1: 869532054819836, số IMEL2: 869532054819828. Đây là các điện thoại của Lê Văn T sử dụng để liên lạc hàng ngày, không liên quan đến việc mua bán trái phép và vi phạm pháp luật.

- Xác nhận ngày 27/02/2026 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P, đã trả lại cho chị T1 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD gắn biển kiểm soát 19P1 – 38458. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là chị Lê Thị T1, sinh năm 1989, trú tại: khu A (xã K cũ), phường V, tỉnh Phú Thọ (là em gái của T). Chị T1 cho T mượn chiếc xe nêu trên làm phương tiện đi lại, khi Lê Văn T sử dụng chiếc xe nêu trên để đi mua ma túy chị T1 không biết là đúng quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Trường thừa nhận hành vi đúng như cáo trạng truy tố, bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội hoặc không có tội:

Hồi 01 giờ 45 phút ngày 15/12/2025, tại khu E (H), xã D, tỉnh Phú Thọ, Lê Văn T đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,6738 gam ma túy Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Hành vi phạm tội của Lê Văn T thể hiện tại: Biên bản bắt người phạm tội

quả tang ngày 15/12/2025; biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu; Kết luận giám định; lời khai nhận của bị cáo phù hợp với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, phù hợp với Kết luận giám định... và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, vật chứng thu giữ, các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Lê Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Điểm c khoản 1, Điều 249 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm: ...c) Heroine, C, Methamphetamine, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và xâm phạm trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy cần xử lý bị cáo thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm về ma túy. [4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. [5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngày 15/12/2023 bị cáo đã công đức số tiền 10.000.000 đồng để tôn tạo di tích lịch sử, thể hiện bị cáo có ý thức tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi xem xét nhân thân, đối chiếu với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Lê Văn T được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có nhân thân tốt. Tuy nhiên, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, biết hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình phạm tội, vì vậy cần xử phạt bị cáo T một hình phạt tù ở mức phạt tù tương thích với hành vi phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù là phù hợp. [6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc

toàn bộ tài sản. Qua xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P xét thấy bị cáo Lê Văn T2 công việc lao động tự do vì vậy không có thu nhập ổn định. Qua xác minh tại UBND phường V, tỉnh Phú Thọ, xác định: theo sổ bộ thuế mới kê khai năm 2025 Lê Văn T có đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL907720 cấp ngày 15/12/2017 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM637014 cấp ngày 31/01/2013. Tuy nhiên, bị cáo bị áp dụng hình phạt tù nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp. [7] Về xử lý vật chứng: - Tịch thu tiêu hủy 01 túi niêm phong mã số PS3 24024037 bên ngoài có 05 dấu hình tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh P và các chữ ký của các thành phần liên quan. Bên trong có 0,3448 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,1758 gam viên nén màu hồng. Đây là túi niêm phong chứa mẫu vật còn lại sau giám định và 01 phôi sim số 0981962167. - Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, số IMEL1: 867977050698936, số IMEL2: 867977050698928, bên trong không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, số IMEL1: 869532054819836, số IMEL2: 869532054819828. Đây là các điện thoại của Lê Văn T sử dụng để liên lạc hàng ngày, không liên quan đến việc mua bán trái phép và vi phạm pháp luật nên trả lại cho bị cáo là phù hợp. - Xác nhận ngày 27/02/2026 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P, đã trả lại cho chị T1 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD gắn biển kiểm soát 19P1 – 38458. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là chị Lê Thị T1, sinh năm 1989, trú tại: khu A (xã K cũ), phường V, tỉnh Phú Thọ (là em gái của T). Chị T1 cho T mượn chiếc xe nêu trên làm phương tiện đi lại, khi Lê Văn T sử dụng chiếc xe nêu trên để đi mua ma túy chị T1 không biết là đúng quy định của pháp luật nên trả lại cho chị T1 là phù hợp. [8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. [9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Văn T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. *Các vấn đề khác:* Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy: Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra ma túy trong nước tiêu đối với Lê Văn T, kết quả T dương tính với nhóm ma túy loại MET, MDMA. Xác minh tại chính quyền địa phương xác định Lê Văn T là người đang trong diện quản lý người sử dụng chất ma túy của Công an phường V; không thuộc trường hợp người đang trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy; không phải là người đang trong thời hạn cai nghiện ma túy hoặc điều trị cai nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật phòng, chống ma túy; không phải là người đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện; không phải là người đang trong thời hạn 2 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật phòng, chống ma túy. Ngày 18/12/2025, Công an Phường V đã xử phạt vi phạm hành chính đối với T theo khoản 1 Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp. Đối với người đàn ông bán trái phép chất ma túy cho Trường: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P, đã tiến hành xác minh, rà soát các đối tượng đã bán ma túy cho Lê Văn T, tuy nhiên không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không đặt ra xem xét trong vụ án này là phù hợp. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 50, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/12/2025. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. [2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. - Tịch thu tiêu hủy 01 túi niêm phong mã số PS3 24024037 bên ngoài có 05 dấu hình tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh P và các chữ ký của các thành phần liên quan. Bên trong có 0,3448 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,1758 gam viên nén màu hồng. Đây là túi niêm phong chứa mẫu vật còn lại sau giám định và 01 phôi sim số 0981962167. - Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, số IMEL1: 867977050698936, số IMEL2: 867977050698928, bên trong không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, số IMEL1: 869532054819836, số IMEL2: 869532054819828. - Xác nhận ngày 27/02/2026 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P, đã trả lại cho chị Lê Thị T1, sinh năm 1989, trú tại: khu A (xã K cũ), phường V, tỉnh Phú Thọ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD gắn biển kiểm soát 19P1 – 38458.

Vật chứng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra bàn giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Phú Thọ theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/4/2026.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 3 – Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng PC10 Công an tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lan Anh

